

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT: Xóm 2, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà 150, khu phố N, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Hà Văn T - Sinh năm 1989

Trú tại: Xóm 2, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, vắng mặt chị H, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2019, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Hà Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã X, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08 tháng 01 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T hay uống rượu rồi chửi bới, đánh vợ. Từ khi chị mang bầu và sinh cháu thứ hai thì anh T cho rằng không phải con anh rồi lăng mạ, xúc phạm chị. Chị phải bỏ nhà đi, sau đó anh T xin lỗi và được gia đình già xếp chị lại quay về đoàn tụ nhưng chỉ được vài tháng anh T lại uống rượu, chửi bới xúc phạm chị nên chị không thể chịu

được được nữa phải sống ly thân từ năm 2017 đến nay đã được 2 năm, cuộc sống của ai người đó tự lo, không ai quan tâm đến ai. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Hà Quang T2 sinh ngày 27/01/2014, cháu Hà Quang T3 sinh ngày 27/3/2015. Chị có nguyện vọng nuôi cháu T3, cháu T2 ở với bố. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng.

Chị H cung cấp Đơn xác nhận của Công an phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương xác nhận chị và cháu T3 đang tạm trú tại số nhà 150, khu phố N, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Xác nhận của Trường Mầm non H thị xã D, tỉnh Bình Dương cháu T3 đang học tại trường cháu có sức khỏe tốt, cao 110cm, nặng 24kg.

Tại Bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2019 bị đơn là anh Hà Văn T trình bày: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/2012. Trong thời gian chung sống, anh có uống rượu dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh tát chị T vào mặt. Từ ngày 19/4/2017, chị H dọn đồ đạc bỏ đi, vợ chồng sống ly thân. Anh đã nói chuyện nhiều lần nhưng chị H quyết tâm không về. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được thoải mái. Anh cũng mong Tòa án khuyên nhủ chị H về để lo cho con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Hà Quang T2 sinh ngày 27/01/2014, cháu Hà Quang T3 sinh ngày 27/3/2015. Hiện nay cháu T3 ở với mẹ, cháu T2 ở với bố. Anh có nguyện vọng nuôi cả hai con.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 12/4/2019 tại UBND xã X thể hiện: Chị H và anh T kết hôn năm 2012. Quá trình vợ chồng chung sống tại địa phương hòa thuận, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, xảy ra to tiếng, xô xát với nhau. Hiện nay vợ chồng sống ly thân. Anh T nuôi cháu T2 và đang sống cùng nhà với mẹ đẻ tại thôn Hà Lũng Thượng, xã T. Cháu T2 học ở trường mầm non của xã, không bị đánh đập, bạo hành. Anh T làm nghề tự do, có sức khỏe tốt. Chị H nuôi cháu T3 và đã chuyển vào nam sinh sống. Anh T và chị H không có vi phạm pháp luật gì bị xử lý và đều có điều kiện nuôi con nên giao cho mỗi người nuôi một cháu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án, tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Về hôn nhân căn cứ Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H và đề nghị Tòa giải quyết cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung căn cứ Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Hà Quang T3 sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, Giao cháu Hà Quang T3 sinh ngày 27 tháng 3 năm 2015 cho

chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hưng khởi kiện xin ly hôn anh T có hộ khẩu thường trú tại xóm 2, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh T vắng mặt, HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần hai anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Chị H có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu, xảy ra cãi cọ, xô xát với vợ. Vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh T đề nghị Tòa án khuyên nhủ chị H đoàn tụ nhưng Tòa án mở hai phiên hòa giải anh T đều vắng mặt. Anh T cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Hà Quang T2 sinh ngày 27/01/2014, cháu Hà Quang T3 sinh ngày 27/3/2015. Chị H có nguyện vọng nuôi cháu T3. Anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con.

Xét điều kiện nuôi con của chị H, anh T: Chị H và anh T đều có sức khỏe, công việc, thu nhập, nơi ở ổn định, có đủ điều kiện nuôi con. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu T3 ở với mẹ, cháu T2 ở với bố, các cháu đều khỏe mạnh, phát triển tốt. Vì vậy, tiếp tục giao cháu T3 cho chị H, cháu T2 cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu người nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người kia có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung: Cháu Hà Quang T2 sinh ngày 27/ 01/ 2014, cháu Hà Quang T3 sinh ngày 27/3/2015. Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T3. Giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu T2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2018/0003430 ngày 11/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã Xuân Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu